

Số: 012026/TTLN-HNĐĐN-AGRIBANK

THỎA THUẬN LIÊN NGÀNH

Về thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 186-KL/TW ngày 29/8/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các văn bản sửa đổi bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Hội Nông dân Việt Nam và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Căn cứ Thỏa thuận liên ngành số 012025/TTLN-HNDVN-AGRIBANK ngày 26/12/2025 giữa Hội Nông dân Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam về việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

Căn cứ Thỏa thuận liên ngành số 01/TTLN-HNĐĐN-AGRIBANK ngày 11/11/2024 giữa Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai và Agribank về việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

Hôm nay, ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại tỉnh Đồng Nai, chúng tôi gồm:

BÊN A: HỘI NÔNG DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Giang Chức vụ: Phó Chủ tịch Phụ trách

Địa chỉ: 185 Hà Huy Giáp, Phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại:.....



BÊN B: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI.

1. AGRIBANK CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Người đại diện: Ông Nguyễn Trọng Thắng Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 180 đường 30/4, Phường Trần Biên, Đồng Nai.

Điện thoại: 0251.3819689

(Theo Quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Agribank v/v Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật)

2. AGRIBANK CHI NHÁNH NAM ĐỒNG NAI

Người đại diện: Ông Vũ Đức Khoan Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 1, Đường Trần Phú, ấp Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.38444211

(Theo Quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Agribank v/v Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật)

3. AGRIBANK CHI NHÁNH BẮC ĐỒNG NAI

Người đại diện: Ông Vũ Văn Trang Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 1034, Xa lộ Hà Nội, KP30, Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3839372

(Theo Quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Agribank v/v Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật)

4. AGRIBANK CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

Người đại diện: Ông Nguyễn Anh Đức Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 711, Quốc lộ 14, KP Thanh Bình, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0271.3879494

(Theo Quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Agribank v/v Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật)

5. AGRIBANK CHI NHÁNH TÂY BÌNH PHƯỚC

Người đại diện: Lê Văn Hòa Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số 1037, đường Phú Riêng Đỏ, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0271.3870577

(Theo Quyết định số 2664/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc Agribank v/v Ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của người đại diện theo pháp luật)

Cùng thống nhất ký văn bản thỏa thuận về việc thực hiện chính sách tín

dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và cho vay thông qua Tổ vay vốn tại địa phương như sau:

CHƯƠNG I

THỎA THUẬN CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Hai Bên phối hợp chặt chẽ, phát huy vai trò và thế mạnh của mỗi Bên trong triển khai chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn 2045 (theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022), đồng thời đóng góp vào thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia (Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020) và chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015).

2. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, đặc biệt là hội viên Bên A, tiếp cận vốn vay từ Bên B để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng, qua đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Bên B cung cấp và tư vấn các sản phẩm, dịch vụ tài chính phù hợp tới các đơn vị trực thuộc, cán bộ, người lao động và hội viên do Bên A quản lý, nhằm mở rộng khả năng tiếp cận tài chính của người dân.

4. Tăng cường sự đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ giữa các hội viên Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai trong việc sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả; thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gốc và lãi) đầy đủ, đúng hạn theo cam kết với Bên B.

5. Góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của mỗi Bên thông qua các chương trình phối hợp cụ thể, thiết thực; đảm bảo thực hiện đúng các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính toàn diện và tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Nguyên tắc và phương thức thực hiện

1. Hai Bên phối hợp triển khai các nội dung của Thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, tận dụng tối đa lợi thế, kinh nghiệm của mỗi Bên; đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực và quy định nội bộ của từng Bên.

2. Hai Bên cam kết hợp tác chặt chẽ và toàn diện trên lĩnh vực nông nghiệp - nông dân - nông thôn, hướng tới mối quan hệ phát triển lâu dài, bền vững; tạo điều kiện thuận lợi để khai thác thế mạnh của mỗi Bên, đồng thời cung cấp và sử dụng hiệu quả sản phẩm, dịch vụ của nhau nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của mỗi Bên.

3. Hai Bên thống nhất phối hợp triển khai các nội dung của Thỏa thuận liên ngành đến các đơn vị cơ sở, phù hợp với mô hình tổ chức, phương thức hoạt động của từng Bên nhằm đảm bảo hiệu quả và tính khả thi trong thực tiễn.

4. Hai Bên thường xuyên trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và chủ

động hợp tác để đáp ứng tốt nhất nhu cầu hoạt động, đồng thời nâng cao chất lượng phối hợp và hiệu quả triển khai các nội dung đã thống nhất.

5. Hai Bên phối hợp tổ chức giao ban định kỳ theo từng cấp để trao đổi thông tin, nắm bắt tình hình khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện để kịp thời tháo gỡ, định hướng hoạt động trong thời gian tới.

Điều 3. Phối hợp triển khai hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với hoạt động tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các sản phẩm tín dụng khác thông qua mô hình Tổ vay vốn

1. Triển khai các chương trình, chính sách phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Bên B và giới thiệu các sản phẩm cho vay khác tới các hội viên Bên A thông qua các kênh, hình thức phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ sở.

2. Trên cơ sở Thỏa thuận liên ngành, hai Bên xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp hai Bên; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, thống nhất các nội dung đã thỏa thuận, bảo đảm rõ ràng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi Bên trong từng thời điểm cụ thể.

3. Hai Bên phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện Thỏa thuận liên ngành tại các đơn vị cơ sở nhằm kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc và có giải pháp xử lý hiệu quả, đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung đã cam kết.

4. Tổ chức các phong trào thi đua, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện Thỏa thuận liên ngành; đồng thời thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm và đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp trong giai đoạn tiếp theo.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG HỢP TÁC

Điều 4. Phối hợp cung cấp sản phẩm dịch vụ của Agribank

Hai bên phối hợp hướng dẫn sử dụng các sản phẩm dịch vụ của Bên B đến các hội viên của Bên A, đáp ứng nhu cầu về sử dụng dịch vụ ngân hàng, góp phần thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia cụ thể:

1. Bên B giới thiệu và hướng dẫn sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng như: Cho vay, dịch vụ tiền gửi, thanh toán, thu hộ, dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử, dịch vụ chi trả lương qua tài khoản cho cán bộ, công chức, người lao động tại các đơn vị trực thuộc Bên A; đặc biệt là thành viên các Tổ vay vốn do Hội quản lý.

2. Bên A phối hợp tuyên truyền, giới thiệu và hỗ trợ hội viên, đặc biệt là thành viên Tổ vay vốn, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng của Bên B theo nội dung của Thỏa thuận liên ngành này nhằm tăng khả năng tiếp cận tài chính, thúc đẩy thực hiện tài chính toàn diện trong hội viên.

3. Hội Nông dân các phường, xã ưu tiên sử dụng các dịch vụ ngân hàng do Bên B cung cấp, bao gồm: Dịch vụ trả lương qua tài khoản, dịch vụ tiền gửi,

dịch vụ thanh toán và các sản phẩm, dịch vụ thẻ, dịch vụ khác phù hợp với nhu cầu thực tế và năng lực cung ứng của Bên B.

Điều 5. Trách nhiệm của Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai

1. Phối hợp thực hiện tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và các văn bản sửa đổi và bổ sung về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ; Thỏa thuận liên ngành và các chính sách tín dụng khác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, tài chính toàn diện của Đảng, Nhà nước và Chính phủ đến hội viên, đặc biệt là các thành viên Tổ vay vốn, đảm bảo hội viên nắm rõ quyền lợi, nghĩa vụ khi tham gia vay vốn tại Bên B

2. Phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thành lập, quản lý, duy trì hoạt động của các Tổ vay vốn đảm bảo đúng quy định; lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ Tổ trưởng Tổ vay vốn có đủ năng lực, trách nhiệm và uy tín để thực hiện tốt vai trò làm cầu nối giữa hội viên và Bên B.

3. Tuyên truyền, cung cấp thông tin, vận động, hỗ trợ hội viên sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả; nâng cao ý thức trong việc trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo cam kết với Bên B, hạn chế phát sinh nợ quá hạn và nợ xấu.

4. Phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính cho hội viên nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thúc đẩy kinh tế bền vững.

5. Giới thiệu và vận động hội viên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng của Bên B theo nội dung Thỏa thuận liên ngành như: Cho vay, tiền gửi, thanh toán, ngân hàng điện tử, thẻ, chi trả lương qua tài khoản...

6. Tham gia công tác kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất theo kế hoạch thống nhất giữa hai Bên nhằm đánh giá kết quả triển khai Thỏa thuận liên ngành. Bên A báo cáo cấp có thẩm quyền về việc ký kết Thỏa thuận liên ngành. Kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc từ các cấp trực thuộc để có biện pháp xử lý phù hợp.

7. Tham gia giao ban định kỳ với Bên B: định kỳ 06 tháng/lần để nắm bắt kết quả thực hiện, kịp thời trao đổi thông tin và phối hợp xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở.

8. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, sơ kết, tổng kết tại các cấp Hội nhằm biểu dương, nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến trong phối hợp triển khai Thỏa thuận liên ngành với Bên B.

Điều 6. Trách nhiệm của Hội Nông dân cấp phường, xã

Hội Nông dân cấp phường, xã có trách nhiệm như Điều 5 của Thỏa thuận liên ngành này, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Phối hợp với chính quyền địa phương, Bên B nơi cho vay trong việc thành lập các Tổ vay vốn trên cơ sở tổ chức của các chi hội, tổ hội Nông dân tại địa bàn, đảm bảo tuân thủ đầy đủ hướng dẫn và quy định của Bên B và Bên A về việc thành lập và quản lý Tổ vay vốn.

2. Phối hợp với Bên B nơi cho vay tổ chức triển khai đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của Bên B liên quan đến hoạt động tín dụng thông qua Tổ vay vốn; đồng thời tăng cường công tác truyền thông, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ của Bên B đến hội viên nông dân tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức và khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính của hội viên.

3. Phối hợp với Bên B nơi cho vay thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động của các Tổ vay vốn thuộc phạm vi quản lý của Hội Nông dân; phối hợp với chính quyền địa phương để triển khai các biện pháp hỗ trợ thu hồi các khoản nợ xấu, lãi tồn đọng của thành viên Tổ vay vốn trong trường hợp Tổ vay vốn và cán bộ làm công tác tín dụng của Bên B đã áp dụng nhiều giải pháp nhưng chưa thu hồi được.

4. Phối hợp chặt chẽ với Bên B nơi cho vay và chính quyền địa phương cùng cấp để kịp thời xử lý các trường hợp Tổ trưởng hoặc thành viên Tổ vay vốn vi phạm quy định của Bên B trong quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ ngân hàng.

5. Tham gia giao ban định kỳ với Bên B: Hội Nông dân cấp xã tổ chức họp giao ban định kỳ hằng năm để nắm bắt kết quả triển khai các nội dung phối hợp và kịp thời trao đổi, xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh tại cơ sở.

Điều 7. Trách nhiệm của Tổ trưởng Tổ vay vốn

Tổ trưởng Tổ vay vốn là người đại diện tổ chức, điều hành hoạt động của Tổ vay vốn tại địa phương, có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bên B nơi cho vay và Hội Nông dân cấp xã để triển khai hiệu quả hoạt động tín dụng. Cụ thể:

1. Quản lý và điều hành hoạt động của Tổ vay vốn theo đúng quy định, hướng dẫn của hai bên, sự quản lý của UBND cấp xã, phường; duy trì sinh hoạt Tổ định kỳ theo Biên bản thành lập kiêm Quy ước hoạt động của Tổ.

2. Ký kết hợp đồng dịch vụ với Bên B nơi cho vay nhằm thực hiện các quy định liên quan đến hoạt động cho vay qua Tổ vay vốn theo đúng quy trình, quy định hiện hành của Bên B.

3. Phối hợp với Bên B nơi cho vay triển khai các cơ chế, chính sách và quy định của Đảng, Nhà nước và Bên B về tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đến các cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng. Đồng thời tham gia tuyên truyền, hỗ trợ thành viên Tổ vay vốn ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng do Bên B cung cấp khi có nhu cầu.

4. Phối hợp với Bên B nơi cho vay trong việc triển khai hoạt động tín dụng và các sản phẩm dịch vụ của Bên B đến các tổ viên Tổ vay vốn, bao gồm: Giải ngân vốn vay và giới thiệu sản phẩm, dịch vụ; kiểm tra, giám sát, đôn đốc thành viên sử dụng vốn vay đúng mục đích; nhắc nhở trả nợ gốc đúng hạn; đôn đốc, thu hộ lãi vay khi được tổ viên ủy quyền.

5. Phối hợp với Hội Nông dân cấp xã, Bên B nơi cho vay và chính quyền địa phương để xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình sử dụng vốn vay,

đảm bảo an toàn tín dụng và hiệu quả hoạt động của Tổ vay vốn.

6. Hưởng hoa hồng dịch vụ theo cơ chế do Bên B quy định, trên cơ sở kết quả hoạt động tín dụng của Tổ vay vốn, bao gồm tiêu chí tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ lãi thực thu.

7. Nhiệm vụ khác do Bên B nơi cho vay và Tổ trưởng Tổ vay vốn thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật và của Bên B.

Điều 8. Phối hợp trong công tác truyền thông

Hai Bên tăng cường chia sẻ thông tin và phối hợp chặt chẽ trong công tác truyền thông, nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền về hình ảnh, thương hiệu, vai trò và đóng góp của Hai Bên trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao.

Điều 9. Thỏa thuận về việc chi hoa hồng dịch vụ

1. Các cấp Hội và Tổ trưởng Tổ vay vốn được hưởng hoa hồng dịch vụ do Bên B nơi cho vay chi trả. Hoa hồng chi trả cho các cấp Hội và Tổ trưởng Tổ vay vốn được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Hoa hồng chi trả theo một tỷ lệ nhất định tính trên số lãi thực thu từ vốn vay (không phân biệt hình thức thu lãi trực tiếp, gián tiếp hay qua phương thức điện tử).

b) Tỷ lệ chi hoa hồng phải căn cứ vào tính chất khoản vay có bảo đảm hoặc không có bảo đảm bằng tài sản.

c) Chi trả hoa hồng dịch vụ khi Tổ vay vốn đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

(i) Tỷ lệ nợ xấu không vượt quá 2% trên tổng dư nợ;

(ii) Tỷ lệ lãi thực thu trên số lãi phải thu đạt từ trên 85% (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả).

d) Không vi phạm quy định những việc Tổ trưởng không được làm theo quy định của Bên B.

2. Tỷ lệ chi hoa hồng

a) Đối với các khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của Bên B, tỷ lệ chi hoa hồng tối thiểu 3% và tối đa 6% trên số lãi thực thu. Phân bổ như sau: Tổ trưởng Tổ vay vốn được hưởng 80%; còn lại 20% chi cho các cấp quản lý, trong đó: Trung ương Hội Nông dân Việt Nam 1%; cấp tỉnh 3%; cấp xã 16%.

b) Đối với các khoản vay có bảo đảm bằng tài sản, tỷ lệ chi hoa hồng tối đa 3% trên số lãi thực thu. Phân bổ như sau: Tổ trưởng Tổ vay vốn được hưởng 90%, Hội Nông dân cấp xã được hưởng 10%.

Điều 10. Trách nhiệm, quyền hạn của Agribank

Bên B có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Bên A trong quá trình triển khai Thỏa thuận liên ngành. Cụ thể:

1. Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành thống nhất toàn hệ thống trong việc tổ chức thực hiện các chính sách tín dụng theo quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và nội bộ của Bên B; đồng thời hướng dẫn nghiệp vụ cho vay và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với quy định hiện hành dành cho khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, trong đó có hội viên Bên A.

2. Cung cấp đầy đủ và kịp thời các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đảm bảo chất lượng, đồng thời đảm bảo nguồn vốn ổn định để triển khai các chương trình cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo đúng quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và cơ chế nội bộ của Bên B.

3. Hướng dẫn các chi nhánh trực thuộc thực hiện việc chi trả hoa hồng dịch vụ cho các cấp Hội và Tổ trưởng Tổ vay vốn theo nội dung, tỷ lệ và điều kiện đã được thống nhất trong Thỏa thuận liên ngành.

4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nội bộ, đảm bảo các chi nhánh trong hệ thống tổ chức thực hiện đúng chủ trương, chính sách tín dụng và các nội dung đã cam kết trong Thỏa thuận liên ngành. Báo cáo cấp có thẩm quyền về việc ký kết Thỏa thuận liên ngành.

5. Phối hợp với Bên A tổ chức các chương trình tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hội Nông dân các cấp về nghiệp vụ tín dụng, kỹ năng triển khai các sản phẩm dịch vụ của Bên B; đồng thời thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất việc thực hiện Thỏa thuận liên ngành trong toàn hệ thống.

Điều 11. Trách nhiệm, quyền hạn của Agribank nơi cho vay

Bên B nơi cho vay có trách nhiệm tổ chức triển khai trực tiếp các nội dung của Thỏa thuận liên ngành tại địa bàn quản lý, phối hợp chặt chẽ với Hội Nông dân các cấp trong việc hỗ trợ hội viên tiếp cận vốn và sử dụng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng. Cụ thể:

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho hội viên Bên A trên địa bàn được tiếp cận vốn vay và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Bên B phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp - nông dân - nông thôn, khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định hiện hành của Bên B.

2. Cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, bao gồm: Cho vay, tiền gửi, thanh toán, thu hộ, phát hành thẻ, ngân hàng điện tử, chi trả lương qua tài khoản...cho cán bộ, nhân viên, đơn vị trực thuộc Bên A, các Tổ vay vốn và thành viên Tổ vay vốn tại địa phương.

3. Phối hợp với Hội Nông dân các cấp tổ chức tập huấn nghiệp vụ tín dụng, quy trình vay vốn, và sử dụng dịch vụ ngân hàng cho cán bộ Hội, cán bộ phụ trách Tổ vay vốn; đồng thời hướng dẫn, giám sát việc thực hiện quy trình nghiệp vụ của Bên B đối với các hội viên tham gia vay vốn và sử dụng dịch vụ.

4. Ký kết Hợp đồng dịch vụ với các Tổ trưởng Tổ vay vốn do Hội Nông dân phường xã thành lập theo đúng quy định, đảm bảo cơ sở pháp lý trong quá trình thực hiện chính sách tín dụng và thu lãi.

5. Thực hiện chi trả hoa hồng dịch vụ cho các cấp Bên A và Tổ trưởng Tổ vay vốn: Theo định kỳ hàng tháng hoặc hàng quý; hoặc chi trả ngay sau khi có kết quả thu lãi (đối với chi nhánh tổ chức thu lãi định kỳ tại xã); việc chi trả thực hiện theo quy định và thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ đã ký.

6. Định kỳ hằng quý, hằng năm hoặc đột xuất, trên cơ sở hiệu quả do Tổ trưởng mang lại, Bên B nơi cho vay có hình thức khen thưởng kịp thời đối với Tổ trưởng Tổ vay vốn trong công tác hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ của Bên B.

7. Phối hợp với chính quyền địa phương, Hội Nông dân cấp phường, xã kiểm tra hoạt động của các Tổ vay vốn, bao gồm cả việc giám sát việc thực hiện các nội dung trong Hợp đồng dịch vụ giữa Tổ vay vốn và Bên B nơi cho vay.

8. Cập nhật, cung cấp kịp thời số liệu và phản ánh tình hình hoạt động của các Tổ vay vốn cho Hội Nông dân cùng cấp nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, đôn đốc và xử lý kịp thời các phát sinh, đảm bảo các Tổ vay vốn và thành viên thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hai Bên cùng cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung tại Thỏa thuận liên ngành. Mọi vấn đề thông tin thực hiện theo chế độ bảo mật của từng Bên, không cung cấp thông tin ra bên ngoài khi chưa có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

2. Trong quá trình thực hiện Thỏa thuận liên ngành, nếu phát sinh vướng mắc, hai Bên sẽ cùng nhau trực tiếp bàn bạc, thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác xây dựng vì lợi ích chung. Các tranh chấp được xử lý theo trình tự của pháp luật quy định hiện hành.

3. Việc đơn phương chấm dứt Thỏa thuận liên ngành này chỉ xảy ra khi một trong hai Bên vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận làm phương hại đến uy tín, thương hiệu của mỗi Bên hoặc gây tổn thất tài sản của Nhà nước mà hai Bên đã thông báo cho nhau nhưng không thể thương lượng, khắc phục được.

4. Trường hợp các Bên không còn nhu cầu hợp tác, Thỏa thuận liên ngành sẽ chấm dứt hiệu lực sau khi các Bên thống nhất bằng văn bản. Việc chấm dứt Thỏa thuận không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ và các cam kết đã được thực hiện hoặc phát sinh trước thời điểm chấm dứt; đồng thời, các Bên có trách nhiệm phối hợp xử lý các công việc còn lại để bảo đảm không gián đoạn hoạt động liên quan.

Điều 13. Phương thức triển khai

1. Hai bên thống nhất hàng năm xây dựng chương trình kế hoạch phối hợp cụ thể để triển khai thực hiện thỏa thuận này.

2. Hai Bên phối hợp chỉ đạo đơn vị trực thuộc tổ chức triển khai các nội dung Thỏa thuận liên ngành này và định kỳ hàng năm gửi báo cáo về Bên A trước ngày 7 của tháng đầu năm để tổng hợp báo cáo về Bên B Việt Nam và Hội

Nông dân Việt Nam theo đúng quy định. Đầu mối của mỗi Bên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch triển khai, đơn đốc, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

3. Công tác tổng kết, đánh giá: Hằng năm, Bên B phối hợp với các cấp Bên A tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện làm cơ sở xem xét điều chỉnh nội dung Thỏa thuận; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi, bổ sung để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

4. Hai Bên có quyền đề xuất sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận liên ngành bằng cách thông báo trước 30 ngày bằng văn bản. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo đề xuất, Bên nhận thông báo phải có ý kiến đồng ý hoặc không đồng ý bằng văn bản.

Điều 14. Đơn vị đầu mối phối hợp triển khai

1. Đơn vị đầu mối tại Bên B:

1.1 Phòng Khách hàng Cá nhân Agribank Chi nhánh Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 180 đường 30/4, Phường Trăn Biên, Đồng Nai.

Số điện thoại: 0251.3819689

1.2 Phòng Khách hàng Cá nhân Agribank Chi nhánh Nam Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 1, Đường Trần Phú, ấp Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0251.3844211 (106/107)

1.3 Phòng Khách hàng Cá nhân Agribank Chi nhánh Bắc Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 1034, Xa lộ Hà Nội, KP30, Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0251.3839372

1.4 Phòng Khách hàng Cá nhân Agribank Chi nhánh Bình Phước.

Địa chỉ: Số 711, Quốc lộ 14, KP Thanh Bình, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0271.3879495

1.5 Phòng Khách hàng Cá nhân Agribank Chi nhánh Tây Bình Phước.

Địa chỉ: Số 1037, đường Phú Riềng Đỏ, Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0271.3870577

2. Đầu mối tại Hội Nông dân tỉnh Đồng Nai

Đơn vị đầu mối: Ban Công tác Nông dân (Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh).

Địa chỉ: 185 Hà Huy Giáp, Phường Trăn Biên, tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: 0915.992996

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thỏa thuận liên ngành này có hiệu lực thi hành từ kể từ ngày ký, thay thế các thỏa thuận đã ký giữa Bên A và Bên B về việc thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP

ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

2. Mọi nội dung sửa đổi, bổ sung của Thỏa thuận liên ngành này có giá trị và hiệu lực thi hành nếu được lập thành văn bản và ký kết bởi Người đại diện có thẩm quyền của các Bên.

3. Thỏa thuận liên ngành này gồm 11 (mười một) trang và được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên B giữ 05 (năm) bản, Bên A giữ 01 (một) bản làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

HỘI NÔNG DÂN TỈNH ĐỒNG NAI



Nguyễn Văn Giang

ĐẠI DIỆN BÊN B

1. AGRIBAK CN ĐỒNG NAI



Nguyễn Trọng Thắng



2. AGRIBAK CN NAM ĐỒNG NAI



Vũ Đức Khoan

3. AGRIBANK CN BẮC ĐỒNG NAI



Vũ Văn Trang

4. AGRIBANK CN BÌNH PHƯỚC



Nguyễn Anh Đức

5. AGRIBANK CN TÂY BÌNH PHƯỚC



Lê Văn Hòa

